

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2022
V/v tranh chấp xin ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Nguyễn Thanh Dũ**.

- Bà **Trần Thị Thu Thảo**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thành** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:
Ông **Lê Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 123/2021/TLST-HN ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST-HN ngày 07 tháng 12 năm 2021; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm 1991 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn Đ**, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 19-5-2021 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Bé H** và anh **Trần Văn Đ** chung sống với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu chị **Bé H** và anh **Đ** chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do anh **Đ** lo tiêu xài cá nhân, cờ bạc, nhậu nhẹt không lo kinh tế gia đình, chị và anh **Đ** đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả,

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Nay chị Bé H xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Tấn P, sinh ngày 04-01-2013 và cháu Trần Gia H1, sinh ngày 03-09-2019; hiện 02 con chung đang sống cùng với chị Bé H, khi ly hôn chị Bé H yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung Trần Tấn P và Trần Gia H1, chị Bé H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự Thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

****Tại tờ tự khai bị đơn anh Trần Văn Đ trình bày:***

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Bé H về thời gian cưới, đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay chị Bé H xin ly hôn anh không đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Tấn P, sinh ngày 04-01-2013 và cháu Trần Gia H1, sinh ngày 03-09-2019. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trần Tấn P và Trần Gia H1, anh Đ không yêu cầu chị Bé H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

****Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:***

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bé H, cho chị Bé H ly hôn với anh Đ, giao 02 con chung tên Trần Tấn P, sinh ngày 04-01-2013 và cháu Trần Gia H1, sinh ngày 03-09-2019 cho chị Bé H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Bé H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị Bé H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, chị Bé H có đơn xin vắng mặt; anh Đ vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Bé H; anh Đ là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Bé H và anh Đ chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; anh Đ có hộ khẩu thường trú tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên chị Bé H khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn”.

[3] Xét tình cảm vợ chồng: Thời gian đầu chị Bé H và anh Đ chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do anh Đ lo tiêu xài cá nhân, cờ bạc, nhậu nhẹt không lo kinh tế gia đình, chị và anh Đ đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Chị Bé H xin ly hôn với anh Đ. Anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời chị Bé H không đồng ý hàn gắn đoàn tụ. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Chị Bé H yêu cầu ly hôn với anh Đ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Bé H là có cơ sở, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Tấn P, sinh ngày 04-01-2013 và cháu Trần Gia H1, sinh ngày 03-09-2019 hiện nay đang sống chung với chị Bé H; để ổn định cuộc sống và tâm sinh lý cho cháu P và cháu H. Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu P và cháu H1 cho chị Bé H tiếp tục nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu P và đúng quy định Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng cho con: Chị Bé H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không có.

[7] Về nợ chung: Không có.

[8] Về án phí: Chị Bé H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bé H được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Tấn P, sinh ngày 04/01/2013 và cháu Trần Gia H1, sinh ngày 03/09/2019 cho chị Bé H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Bé H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 21060 ngày 03-6-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang, xem như chị Bé H đã thi hành xong án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị Bé H, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước Lập;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án卷.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Toàn